



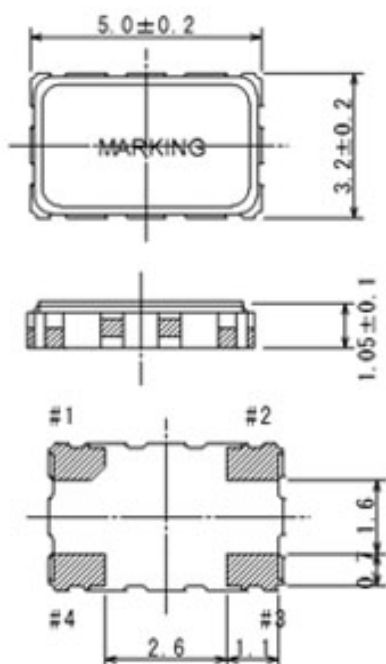
产品特点以及应用范围:

- 频率: 8 MHz ~ 50 MHz
- 体积: 5.0×3.2×1.05 mm SMD;
- 输出: 削峰正弦波;
- 通途: 汽车电子产品、通信设备、军用设备、汽车电子;
- 品质: 无铅环保产品;

■ 技术参数

频率范围	8 MHz ~ 50 MHz	
工作电压	V _{DD}	2.8 V, 3.0 V, 3.3 V, 5.0 V DC±5%
工作电流 I _{DD}	8MHz~20MHz	1.5 mA Max
	20MHz~32MHz	2.0 mA Max
	32MHz~50MHz	2.5 mA Max
频率温度稳定度	±0.5PPM ~ ±2.5PPM	
输出电平	0.8 V _{P-P} Min	
负载	10 KΩ // 10 pF ±10%	
频率温度稳定度相对于	工作电压变化	±0.2 PPM (V _{DD} 5%)
	负载变化	±0.2 PPM (V _{DD} 10%)
	老化率	±1 ppm / year
输入阻抗	V _c	500 KΩ
启动时间	T _s	2 ms Max
相噪 (at 13 MHz)	100 Hz	-115dBc/ Hz
	1k Hz	-135dBc/ Hz
	10k Hz	-148dBc/ Hz
存储温度	T _{stg}	-55°C ~ +125°C

■ 封装尺寸 (mm)



Terminal	Connection	
	TCXO	VC-TCXO
#1	GND	V _{cont}
#2	GND	
#3	OUTPUT	
#4	V _{cc}	

Example of a Terminal Land Pattern

